

**CÔNG TY CỔ PHẦN DTH MÊ LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DTH MÊ LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DTH ME LINH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110073956

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 18, Thôn 4, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462539519

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                          | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                 | 4329        |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm) | 4620        |
| 4.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                        | 0119        |
| 5.  | Trồng cây ăn quả                                                                               | 0121        |
| 6.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                         | 0129        |
| 7.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                            | 0131        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                             | 0132(Chính) |
| 9.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                  | 0141        |
| 10. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                         | 0144        |
| 11. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                            | 0145        |
| 12. | Chăn nuôi gia cầm                                                                              | 0146        |
| 13. | Chăn nuôi khác                                                                                 | 0149        |
| 14. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                  | 0150        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                   | 0161        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                    | 0162        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                | 0163        |
| 18. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                  | 0164        |
| 19. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                          | 0210        |
| 20. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                    | 0322        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô           | 4933        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                      | 5510        |
| 23. | Cơ sở lưu trú khác                                                                             | 5590        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                               | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                       | 5621        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)                  | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)               | 5630        |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                        | 8110        |
| 29. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                          | 8130        |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG MINH<br>THẮNG | TDP 12 Nhân<br>Mỹ, Phường Mỹ<br>Đĩnh 1, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 50,000       | 0340790035<br>20                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>VĂN LỰC   | Phòng 508 P6 Đô<br>thị Việt Hưng,<br>Phường Giang<br>Biên, Quận Long<br>Biên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       | 0260800104<br>79                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | MAI XUÂN CUÔNG | Thửa 139A, TĐĐ 3, TDP 16 Hòa Bình, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 037081000774 |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MINH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034079003520

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP 12 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP 12 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội